

Phụ lục V.
DIỆN TÍCH CÁC KHU VỰC SỬ DỤNG ĐẤT CẦN QUẢN LÝ NGHIỆM NGẶT TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				TT Ea Kar	TT Ea Knốp	Xã Ea Sô	Xã Xuân Phú	Xã Cư Huê	Xã Ea Tih	Xã Ea Đar	Xã Ea Kmút	Xã Cư Ni	Xã Ea Păl	Xã Ea Ô	Xã Cư Bông	Xã Cư Yang	Xã Cư Elang	Xã Cư Prông	Xã Ea Sar
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Đất trồng lúa	LUA	8.541,00	173,26	102,41	98,25	127,15	178,06	142,92	135,84	693,71	1.269,45	453,69	1.471,23	1.289,71	973,46	888,19	304,09	239,57
2	Đất rừng phòng hộ	RPH	786,98													212,09		574,89	
3	Đất rừng đặc dụng	RDD	27.057,44			26.726,12									300,00				31,32
4	Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	5.783,05			12,34							8,30	4,62	2.949,02	1.070,52	589,18	1.149,07	